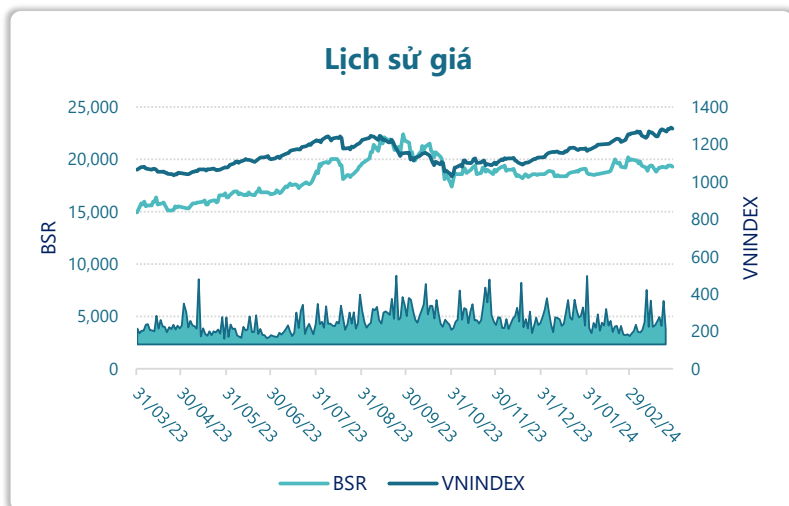


CTCP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn (UPCOM: BSR)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	19,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,926
SL cổ phiếu LH	3,100,499,616
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,653,715
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	59,840
P/E	7.5
EPS	2,588

DT thuần

Q1/24

30,689

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11,244 | -26.8%

YoY: ▼3,377 | -9.9%

LN sau thuế

Q1/24

1,115

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,154 | -50.8%

YoY: ▼506 | -31.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.7%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

2023

147,423

tỷ VNĐ

YoY: ▼19,701 | -11.8%

LN sau thuế

2023

8,593

tỷ VNĐ

YoY: ▼6,076 | -41.4%

ROE

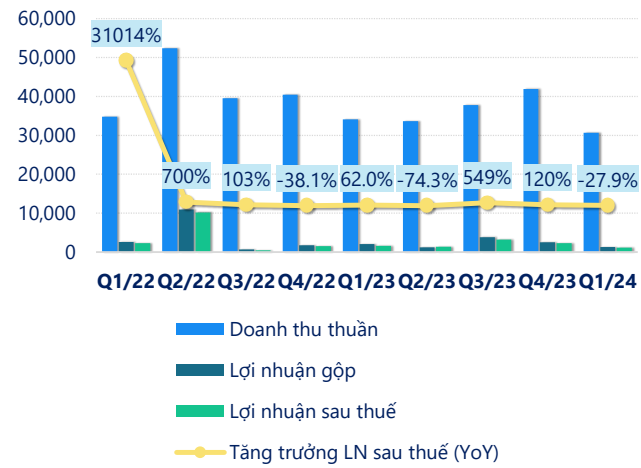
2023

16.0%

+/- YoY: ▼ 17.2%

tỷ VNĐ

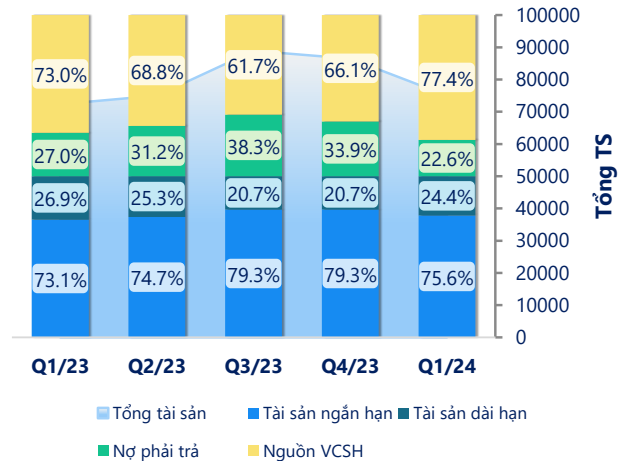
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

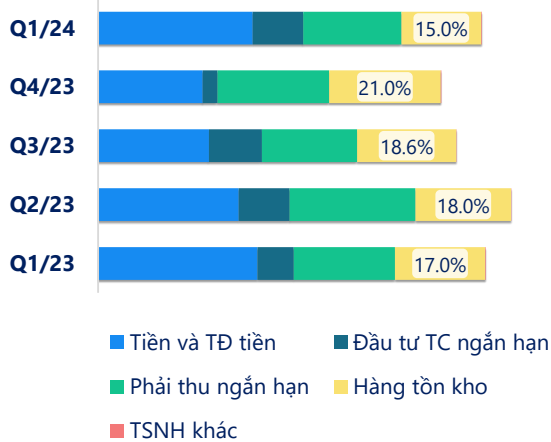
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



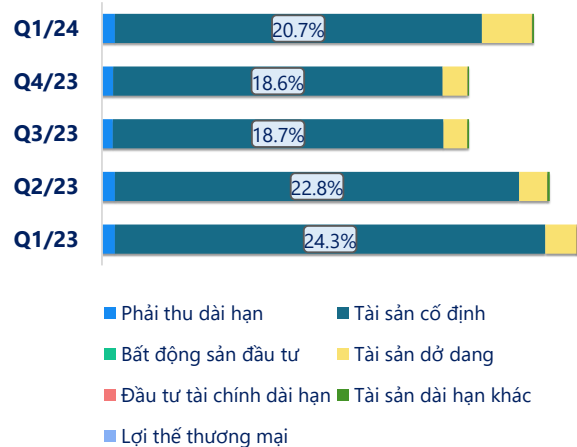
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

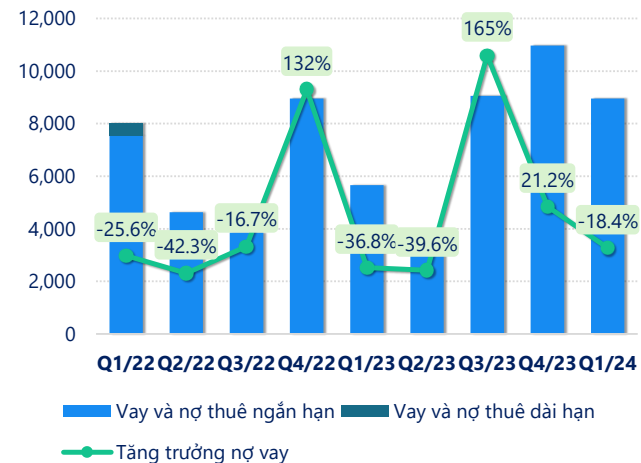
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

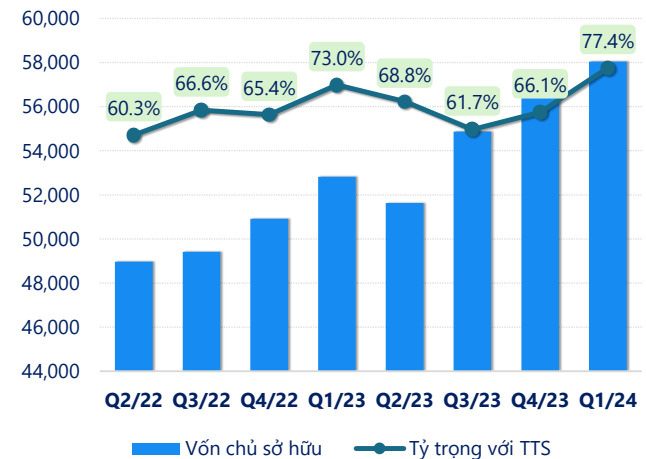
Nợ vay



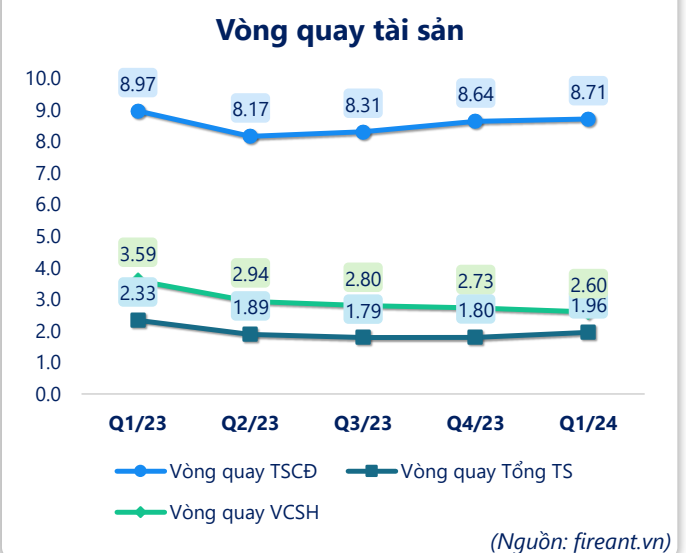
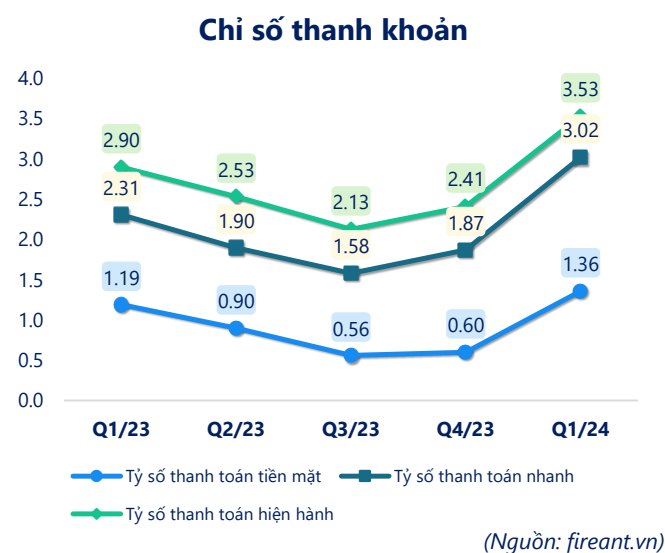
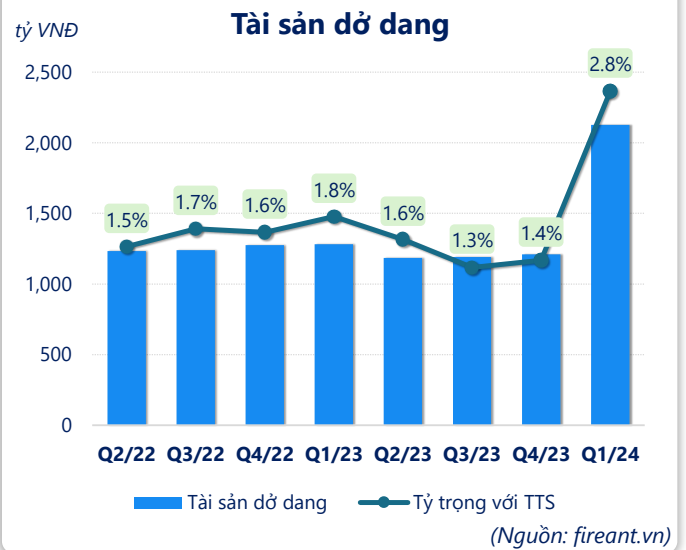
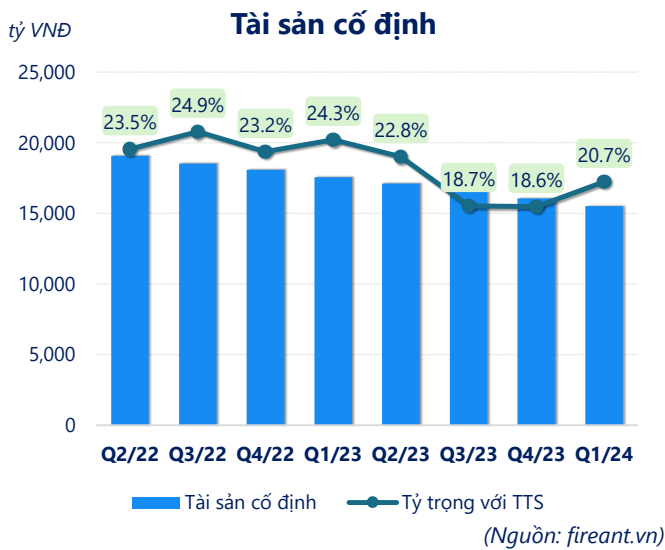
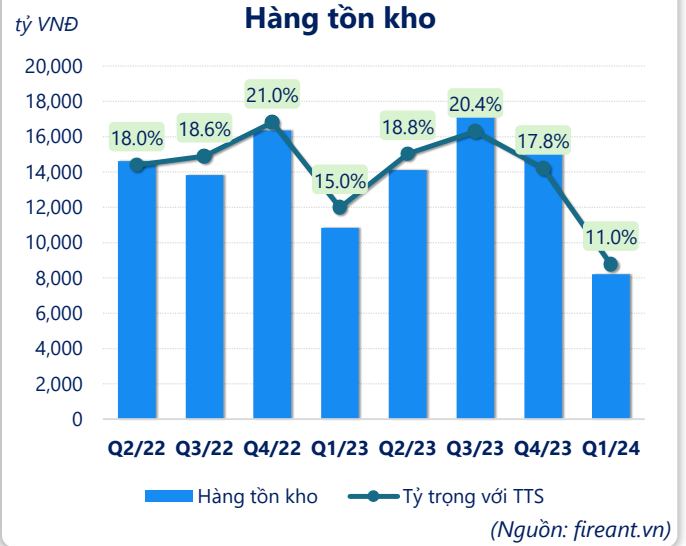
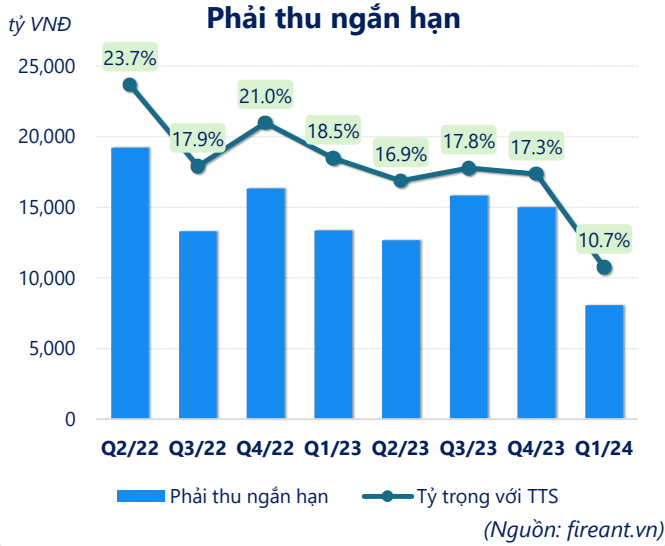
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	72,321	75,039	88,918	86,453	74,987
Tài sản ngắn hạn	52,851	56,089	70,495	68,546	56,710
Tiền và tương đương tiền	21,692	19,858	18,561	17,001	21,813
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,872	9,372	17,910	21,122	18,522
Phải thu ngắn hạn	13,361	12,665	15,811	14,999	8,058
Hàng tồn kho	10,829	14,106	18,119	15,352	8,213
Tài sản ngắn hạn khác	97.5	87.5	94.0	72.8	104
Tài sản dài hạn	19,470	18,950	18,423	17,908	18,277
Phải thu dài hạn	534	549	549	549	549
Tài sản cố định	17,548	17,112	16,584	16,059	15,518
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,282	1,184	1,192	1,211	2,127
Đầu tư tài chính dài hạn	9.80	9.78	9.78	9.78	9.75
Tài sản dài hạn khác	95.9	96.1	88.9	79.4	73.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	19,510	23,409	34,050	29,322	16,946
Nợ ngắn hạn	18,229	22,142	33,151	28,439	16,063
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,656	3,417	9,053	10,970	8,957
Phải trả người bán ngắn hạn	10,136	8,656	16,946	14,617	3,537
Nợ dài hạn	1,281	1,267	899	884	883
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	52,811	51,631	54,868	57,131	58,040
Vốn chủ sở hữu	52,811	51,631	54,868	57,131	58,040
Vốn điều lệ	31,005	31,005	31,005	31,005	31,005
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)